

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-05-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoa Thế Vinh và bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 14 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị G, sinh ngày 05/02/1992; căn cước công dân số: 089174009771, địa chỉ: tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Thanh H, sinh ngày 01/01/1975; căn cước công dân số: 089075019768; địa chỉ: tổ B, ấp L, xã L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đỗ Thị G trình bày: Bà G và ông Nguyễn Văn Thanh H kết hôn theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L B theo giấy chứng nhận kết hôn số: 286/2012 cấp ngày 20/11/2012. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng hiện nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, Bà G nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cả hai người. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì vậy, bà G làm đơn này kính mong

Q tòa xem xét giải quyết cho bà G được ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Viết L, sinh 27/02/1996; Nguyễn Phong L1, sinh ngày 27/03/2003 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 23/08/2011. Đối với cháu Nguyễn Viết L, sinh 27/02/1996; Nguyễn Phong L1, sinh ngày 27/03/2003 đã trưởng thành; Đối với Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 23/08/2011, hiện nay do bà G đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà G yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh H không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị G khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Văn Thanh H. Ông H có nơi cư trú trên địa bàn xã L, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Đỗ Thị Giàu C văn bản xin vắng mặt, ông Nguyễn Văn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đỗ Thị G và ông Nguyễn Văn Thanh H là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 286/2012, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 20/11/2012. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy rằng bà G xin ly hôn với ông H, bà G, ông H sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị G trình bày là vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Viết L, sinh 27/02/1996; Nguyễn Phong L1, sinh ngày 27/03/2003 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 23/08/2011. Đối với cháu Nguyễn Viết L, sinh 27/02/1996; Nguyễn Phong L1, sinh ngày 27/03/2003 đã trưởng thành; Đối với Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 23/08/2011, hiện nay do bà G đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà G yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T đang được bà G chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T1, cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà G trong trường hợp bà G, ông H ly hôn. Do

đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 23/08/2011 cho bà G được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Đỗ Thị G khởi kiện xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Đỗ Thị G khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Đỗ Thị G phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị G.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị G ly hôn với ông Nguyễn Văn Thanh H.

2) Về con chung: Bà Đỗ Thị G được tiếp tục nuôi con chung là: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 23/08/2011.

Bà Đỗ Thị G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị G khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Đỗ Thị G khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Đỗ Thị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 301796 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Đỗ Thị G đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã L, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng